

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

Số: 07/2025/QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 31 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác thi hành pháp luật
về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30/3/2016 của Chính phủ Quy định cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;


Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-BTP ngày 16/01/2023 của Bộ Tư pháp Quy định về chế độ báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 79 /TTr-STP ngày 14/01/2025 đề nghị ban hành Quy chế phối hợp trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 4 năm 2025 và thay thế Quyết định số 2983/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2016 của UBND tỉnh về ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước về công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Nghệ An. 

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp;
- Cục CKTVB&QLXLVPHC,
- Chủ tịch UBND tỉnh
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành cấp tỉnh;
- UBND Các huyện, TP, TX;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC (TP, Dũng).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Thanh An

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Phối hợp công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2025/QĐ-UBND ngày 31/3/2025
của UBND tỉnh Nghệ An)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung, hình thức và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương; các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan chuyên môn, cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi chung là các sở, ban, ngành cấp tỉnh).

2. UBND các huyện, thành phố, thị xã (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện); UBND các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là UBND cấp xã) trên địa bàn tỉnh.

3. Người có thẩm quyền xử phạt, người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ các quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Việc phối hợp dựa trên cơ sở thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân theo quy định; phát huy tính chủ động, tích cực; đảm bảo không làm ảnh hưởng đến hoạt động riêng của từng cơ quan, đơn vị, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Đảm bảo sự phối hợp kịp thời, đồng bộ, chặt chẽ, thống nhất và có hiệu quả, đề cao trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan có liên quan trong việc triển khai và thực hiện các hoạt động về công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Nội dung phối hợp

1. Xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
2. Tuyên truyền, phổ biến; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
3. Kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
4. Chuyên hồ sơ, vụ việc đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.
5. Rà soát, đánh giá tính pháp lý, tham mưu người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.
6. Tham mưu người có thẩm quyền tổ chức thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.
7. Xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính.
8. Thống kê, báo cáo tình hình công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
9. Các nội dung phối hợp khác theo quy định pháp luật.

Điều 5. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi, thảo luận; tham gia ý kiến bằng văn bản; cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến công tác xử lý vi phạm hành chính theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.
2. Theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
3. Tổ chức các hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật, tập huấn kỹ năng nghiệp vụ pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
4. Tổ chức thanh tra, kiểm tra liên ngành việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
5. Tổ chức sơ kết, tổng kết.
6. Các hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP

Điều 6. Phối hợp xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, địa phương liên quan đề xuất, xây dựng các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân (HĐND), Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính; tổng hợp những khó khăn, vướng mắc,

bắt cập từ các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý.

2. Các sở, ngành cấp tỉnh chủ trì tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực, ngành mình được giao quản lý trình HĐND, UBND tỉnh ban hành; tổ chức lấy ý kiến góp ý dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo yêu cầu đề nghị của cơ quan chủ trì soạn thảo; thường xuyên nắm bắt, theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính để kịp thời phát hiện các quy định không khả thi, không phù hợp hoặc chồng chéo, mâu thuẫn gửi về Sở Tư pháp tổng hợp, kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lấy ý kiến, tham gia góp ý dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật theo yêu cầu, đề nghị của cơ quan chủ trì soạn thảo; thường xuyên nắm bắt, theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại địa phương mình để kịp thời phát hiện các quy định không khả thi, không phù hợp hoặc chồng chéo, mâu thuẫn gửi về Sở Tư pháp tổng hợp kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý.

Điều 7. Phối hợp tuyên truyền, phổ biến; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp chủ trì tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo và triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện tuyên truyền, phổ biến pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đến tận cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các cá nhân, tổ chức có liên quan đối với lĩnh vực, ngành, địa phương mình quản lý; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương mình quản lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước đến tận cán bộ, công chức, viên chức và người dân trên địa bàn.

Điều 8. Phối hợp kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Phối hợp kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

a) Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp cấp huyện tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xây dựng, ban hành kế hoạch kiểm tra và tổ chức việc kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi địa bàn quản lý.

b) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thực hiện việc kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý.

2. Phối hợp thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

Thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được thực hiện trong trường hợp có kiến nghị, phản ánh của cá nhân, tổ chức, báo chí về việc áp dụng quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính có vi phạm gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp, cử người tham gia đoàn kiểm tra, thanh tra khi có yêu cầu của người có thẩm quyền.

Điều 9. Phối hợp chuyển hồ sơ, vụ việc đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

Khi phát hiện vi phạm hành chính, nếu hành vi vi phạm không thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản vi phạm hành chính thì biên bản và các tài liệu có liên quan được chuyển cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo trình tự, thủ tục như sau:

1. Trường hợp vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản mà thuộc thẩm quyền của một trong những người thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương của người lập biên bản, thì người đã lập biên bản lập Phiếu chuyển và chuyển biên bản vi phạm hành chính cùng các tài liệu liên quan cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi lập biên bản.

2. Trường hợp vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản và cũng không thuộc thẩm quyền của một trong những người thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương của người lập biên bản thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương của người lập biên bản lập báo cáo và chuyển biên bản vi phạm hành chính cùng các tài liệu có liên quan cho người có thẩm quyền xử phạt trong thời hạn 24 giờ kể từ khi lập biên bản.

3. Việc chuyển biên bản vi phạm hành chính và các tài liệu có liên quan theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều này được thực hiện bằng phương thức: Chuyển trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện (bằng hình thức bảo đảm) đến cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và không qua bất kỳ cơ quan trung gian nào khác.

4. Phiếu chuyển và báo cáo là căn cứ để xác định biên bản và các tài liệu liên quan đã được chuyển cho người có thẩm quyền xử phạt theo đúng thời hạn

quy định tại khoản 1, 2 Điều này và khoản 5 Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và điểm a khoản 6 Điều 12 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 10. Phối hợp rà soát, đánh giá tính pháp lý, tham mưu người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính

1. Để đảm bảo việc áp dụng đúng quy định của pháp luật trong quá trình xem xét ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trong trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền xử phạt có thể phân công cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tham mưu thực hiện việc rà soát, đánh giá tính pháp lý đối với hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, xác minh tình tiết vụ việc và xem xét ý kiến giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm (nếu có).

2. Việc rà soát, đánh giá tính pháp lý, xác minh tình tiết vụ việc và xem xét ý kiến giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm có thể được thực hiện bằng phương thức thành lập Tổ kiểm tra, rà soát, xác minh do người có thẩm quyền quyết định hoặc theo đề xuất của cơ quan chủ trì khi xét thấy cần thiết và được thực hiện trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được biên bản và các tài liệu có liên quan do cơ quan, người có thẩm quyền chuyển đến.

3. Nội dung rà soát, đánh giá tính pháp lý, xác minh tình tiết vụ việc và xem xét ý kiến giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm gồm:

- a) Xác định hành vi vi phạm hành chính;
- b) Trình tự thủ tục xử phạt vi phạm hành chính;
- c) Xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính theo quy định;
- d) Tham mưu xem xét ý kiến giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm theo quy định;

đ) Xác định thẩm quyền, thời hạn, thời hiệu ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- e) Các nội dung phối hợp khác có liên quan (nếu có).

4. Việc phân công cơ quan, đơn vị, địa phương chủ trì tham mưu rà soát, đánh giá tính pháp lý của hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ chuyên môn, cụ thể như sau:

a) Vụ việc vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Phân công Sở, ngành được giao quản lý nhà nước đối với lĩnh vực có vi phạm hành chính xảy ra chủ trì rà soát, đánh giá tính pháp lý, xác minh tình tiết đối với nội dung quy định tại điểm a, c, d, e, khoản 3 điều này;

- Sở Tư pháp chủ trì rà soát, đánh giá tính pháp lý, xác minh tình tiết đối với nội dung quy định tại điểm b, d, đ, e, khoản 3 điều này.

b) Vụ việc vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Phân công phòng, ban, ngành được giao quản lý nhà nước đối với lĩnh vực có vi phạm hành chính xảy ra chủ trì rà soát, đánh giá tính pháp lý, xác minh tình tiết các nội dung quy định tại điểm a, c, d, e, khoản 3 điều này;

- Phòng Tư pháp chủ trì rà soát, đánh giá tính pháp lý, xác minh tình tiết nội dung quy định tại điểm b, d, đ, e, khoản 3 điều này.

c) Đối với vụ việc vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của các chức danh còn lại: Người có thẩm quyền xử phạt căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn được giao, phối hợp với tổ chức, cá nhân, cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tiến hành xử lý theo quy định;

d) Trong trường hợp chưa có sự thống nhất về các nội dung tại khoản 3 điều này, cơ quan chủ trì lập hồ sơ xử phạt phối hợp với các cơ quan chuyên môn được giao quản lý nhà nước đối với lĩnh vực có vi phạm hành chính xảy ra thực hiện xin ý kiến các cơ quan chuyên môn cấp trên.

5. Thời hạn báo cáo kết quả rà soát, đánh giá tính pháp lý, xác minh tình tiết vụ việc và xem xét ý kiến giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm (nếu có) cho người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt được thực hiện như sau:

a) Trước 03 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn ra quyết định xử phạt đối với vụ việc có thời hạn 10 ngày làm việc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

b) Trước 07 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn ra quyết định xử phạt đối với vụ việc có thời hạn 01 tháng hoặc 30 đến 45 ngày theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 66 và khoản 3 Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

c) Trước 10 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn ra quyết định xử phạt đối với vụ việc có thời hạn 02 tháng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 11. Phối hợp tham mưu người có thẩm quyền thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

1. Người có thẩm quyền xử phạt đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính; người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương đã tiếp nhận quyết định xử phạt để tổ chức thi hành theo quy định tại Điều 71 Luật Xử lý vi phạm hành chính có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cá nhân, tổ chức bị xử phạt.

2. Cơ quan, đơn vị, địa phương được phân công chủ trì tổ chức thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính được ghi trong quyết định; cơ quan,

đơn vị, địa phương đã tiếp nhận quyết định xử phạt để tổ chức thi hành theo quy định tại Điều 71 Luật Xử lý vi phạm hành chính có trách nhiệm:

a) Tham mưu người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cá nhân, tổ chức bị xử phạt;

b) Tham mưu xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu;

c) Báo cáo kết quả thi hành cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và thông báo, cập nhật kết quả thi hành xong quyết định cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính của Bộ Tư pháp, cơ quan tư pháp địa phương ngay sau khi cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính đã chấp hành xong;

d) Tham mưu thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính khi cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính không tự nguyện chấp hành theo quy định.

Điều 12. Phối hợp xây dựng, quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, quản lý, khai thác Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi địa phương và tích hợp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin, sử dụng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính;

c) Cung cấp thông tin cho Bộ Tư pháp về xử lý vi phạm hành chính để xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia;

d) Tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ về cơ sở dữ liệu cho cán bộ, công chức làm công tác xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

2. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Phối hợp với Sở Tư pháp xây dựng, quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính;

b) Phối hợp cung cấp thông tin để phục vụ công tác xây dựng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính; cập nhật thông tin về xử lý vi phạm hành

chính do đơn vị mình thực hiện vào hệ thống Cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

Điều 13. Phối hợp thống kê tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện thống kê về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

2. Các các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thống kê về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương gửi Sở Tư pháp tổng hợp.

Điều 14. Phối hợp báo cáo tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Báo cáo tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thực hiện định kỳ hàng năm; thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

a) Trách nhiệm thực hiện:

- Hàng năm, Sở Tư pháp chủ trì tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, gửi Bộ Tư pháp trước ngày 21 tháng 12;

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý gửi về Sở Tư pháp trước ngày 18 tháng 12 hàng năm để tổng hợp;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý của địa phương đến Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 16 tháng 12 hàng năm, để tổng hợp gửi Sở Tư pháp.

b) Nội dung, hình thức, phương thức gửi, nhận báo cáo thực hiện theo quy định của Bộ Tư pháp.

2. Báo cáo đột xuất, chuyên đề về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền.

**Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 15. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện các nội dung phối hợp quy định tại Quy chế này do ngân sách nhà nước đảm bảo theo Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh quy định nội dung chi, mức chi từ ngân sách nhà nước đảm bảo cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Nghệ An và các quy định khác có liên quan và được tổng hợp vào dự toán hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Quy chế này; hàng năm, theo dõi, đôn đốc, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Quy chế.

2. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy chế này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

